

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 29-11-2021

V/v: Ly hôn giữa bà T và ông C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 367/2021/HNGĐ-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐ-PT ngày 17/11/2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T - sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5 LX - phường LH - thành phố ND - tỉnh Nam Định;

+ **Bị đơn:** Ông Hoàng Công C - sinh năm 1961;

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5 LX - phường LH - thành phố ND - tỉnh Nam Định;

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Hoàng Công Q - sinh năm 1985;

2. Chị Hoàng Thị Ch - sinh năm 1991;

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố số 5 LX - phường LH - thành phố ND - tỉnh Nam Định;

(Chị Hoàng Thị Ch ủy quyền cho anh Hoàng Công Q tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 6 năm 2021)

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Hoàng Công C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Công C đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hòa - thành phố Nam Định vào ngày 17-9-1984. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tuy vợ chồng ở chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau và không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly thân 6 năm. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hoàng Công C.

Về con chung: Bà và ông Hoàng Công C có 02 con chung là Hoàng Công Q, sinh ngày 27-9-1985 và Hoàng Thị Hải, sinh ngày 18-10-1987, hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung của vợ chồng: Bà xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng diện tích 1603,5m² (gồm 184,5 m² đất ở; 458,7 m² đất vườn; 960,3 m² đất ao) tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 có địa chỉ tại xóm 5 (nay là tổ dân phố số 5) Lương Xá - phường Lộc Hòa - thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định. Về nguồn gốc diện tích đất trên do vợ chồng bà vượt lập khoảng năm 1987. Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích 57 m² do vợ chồng bà xây dựng khoảng năm 1994. Ngoài ra trên đất còn 01 căn nhà diện tích khoảng 70 m² do con trai và con dâu bà đang xây dở khoảng tháng 4 năm 2021. Việc con trai và con dâu bà xây nhà do ông C tự ý cho xây, thời gian đó bà không có nhà, khi bà về đã thấy đang đổ móng tầng 1, bà đã có đơn đề nghị công an phường và ủy ban nhân dân phường giải quyết. Hiện trên diện tích đất ở không còn diện tích để

xây thêm nhà, ông C đang ở cùng con trai, nếu ly hôn mà bà xây nhà trên đất ở để ở ngay sát nhà ông C sẽ bất tiện. Bà đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo qui định của pháp luật, nếu ai được giao tài sản có giá trị nhiều hơn thì phải trả chênh lệch cho bên kia.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Hoàng Công C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Phạm Thị T, ông nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông và bà Phạm Thị T ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Phạm Thị T.

Về chia tài sản chung của vợ chồng: Ông Hoàng Công C trình bày: Diện tích 1.603,5 m² đất gia đình ông đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 mang tên ông và bà T. Nguồn gốc 1.603,5m² trong đó có 184,5 m² đất ở và 458,7 m² đất vườn là do Hợp tác xã nông nghiệp Lương Xá - xã Lộc Hòa - thành phố Nam Định cấp cho gia đình ông năm 1981 nhưng hiện gia đình ông không còn lưu giữ giấy tờ. Diện tích 960,3 m² đất ao do vợ chồng ông tạo lập khoảng năm 1990. Tài sản trên đất gồm 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích 57 m² do vợ chồng xây dựng năm 1992 và 01 căn nhà diện tích khoảng 70m² do ông cho con trai và con dâu ông xây trên diện tích đất thuộc tài sản riêng của ông. Ông xác định tài sản riêng của ông gồm trị giá quyền sử dụng diện tích 184,5 m² đất ở và 458,7 m² đất vườn; tài sản chung của vợ chồng gồm quyền sử dụng diện tích 960,3 m² đất ao và tiền xây 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích 57 m². Ông đề nghị Tòa án giao cho ông được quyền sử dụng diện tích đất ở và đất vườn vì đó là tài sản riêng của ông. Diện tích đất ao đề nghị Tòa án chia cho các con chung của ông và bà T 200m², phần diện tích còn lại chia cho vợ chồng mỗi người ½ diện tích và đề nghị chia căn nhà theo qui định của pháp luật.

Về công nợ chung của vợ chồng: Tại bản tự khai ngày 02-4-2021, ông đề nghị Tòa án giải quyết các khoản nợ của vợ chồng gồm: Nợ của mẹ đẻ ông 02 chỉ vàng, ông Hoàng Công Việt 1,5 chỉ vàng, ông Hoàng Công Tám 1.000.000 đồng, và khoản nợ chị Hoàng Thị Thúy. Tổng công nợ là 3,5 chỉ vàng và 3.000.000 đồng.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Hoàng Công Q trình bày:

Anh xác định tài sản chung của bố mẹ anh gồm: quyền sử dụng diện tích đất 1603,5m² (gồm 184,5 m² đất ở - 458,7 m² đất vườn - 960,3 m² đất ao) tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 có địa chỉ ở xóm 5 (nay là tổ dân phố số 5) - Lương Xá - phường Lộc Hòa - thành phố Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ anh là ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T; 01 căn nhà mái bằng 1 tầng bố mẹ anh xây năm 1994. Về nguồn gốc đất anh không biết. Hiện trên diện tích đất ở tháng 4/2021 vợ chồng anh đã xây nhà diện tích khoảng 75 m² do anh được bố anh cho đất để xây. Quan điểm của anh để bố mẹ anh giải quyết việc chia tài sản chung, nếu bố mẹ anh cho đất đến đâu anh nhận đến đó và không đòi hỏi. Anh không đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền vợ chồng anh xây dựng nhà trên đất của bố mẹ anh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh không có yêu cầu độc lập.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 25-6-2021, Hội đồng định giá xác định:

+ Giá trị quyền sử dụng đất:

Đất ở: Trị giá quyền sử dụng là 3.500.000 đồng/m². Trị giá quyền sử dụng 184,5m² là: 3.500.000 đồng x 184,5m² = 645.750.000 đồng (sáu trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đất vườn: Trị giá quyền sử dụng là 1.750.000 đồng/m². Trị giá quyền sử dụng 458,7m² là: 1.750.000 đồng x 458,7m² = 802.725.000 đồng (tám trăm linh hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Đất ao: Trị giá quyền sử dụng là 1.750.000 đồng/m². Trị giá quyền sử dụng 960,3m² là: 1.750.000 đồng x 960,3m² = 1.680.525.000 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu năm trăm hai mươi lăm triệu).

Tổng trị giá quyền sử dụng diện tích 1.603,5 m² đất là 645.750.000 đồng + 802.725.000 đồng + 1.680.525.000 đồng = 3.129.000.000 đồng (ba tỷ một trăm hai mươi chín triệu đồng).

+ Trị giá tài sản trên đất:

Nhà mái bằng 01 tầng kích thước 7,3m x 8,4m = 61,32m². Đơn giá xây dựng 3.854.000 đồng/m², giá trị còn lại là 45%, thành tiền là: 3.854.000 đồng/m² x 61,32m² x 45% = 106.347.276 đồng (một trăm linh sáu triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi sáu đồng)

Tường bao có kích thước $33\text{m} \times 1,4\text{m} = 46,2\text{m}^2$. Đơn giá xây dựng là 748.000 đồng/m^2 , giá trị sử dụng còn lại là 30%, thành tiền là: $748.000 \text{ đồng} \times 46,2\text{m}^2 \times 30\% = 10.367.280 \text{ đồng}$ (mười triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Tổng trị giá tài sản trên đất là: $106.347.276 \text{ đồng} + 10.367.280 \text{ đồng} = 116.714.556 \text{ đồng}$ (một trăm mười sáu triệu bảy trăm mười bốn ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

+ Tổng trị giá quyền sử dụng đất và công trình trên đất của thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 là: $3.129.000.000 \text{ đồng} + 116.714.556 \text{ đồng} = 3.245.714.556 \text{ đồng}$ (ba tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng)

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 367/2021/HNGĐ-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 14 Luật HNGĐ năm 1986; Điều 33, Điều 55, Điều 59, Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 357, Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C.

2. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị T.

Chia cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng $960,3 \text{ m}^2$ đất ao tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ: tổ dân phố số 5 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 426255 ngày 13-7-2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T.

Chia cho ông Hoàng Công C được quyền sở hữu 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích $61,32\text{m}^2$ và $46,2\text{m}^2$ tường bao và được quyền sử dụng $184,5\text{m}^2$ đất ở và $458,7\text{m}^2$ đất vườn tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ: tổ dân phố số 5 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 426255 ngày 13-7-2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Hoàng Công C 57.668.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho bà Phạm Thị T. Miễn án phí chia tài sản cho ông Hoàng Công C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 16/8/2021, bị đơn ông Hoàng Công C có đơn kháng cáo với nội dung: Ông không đồng ý với quyết định của cấp sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng, ông đề nghị cấp phúc thẩm xử lại vụ án theo hướng phải xác định tài sản riêng của ông gồm trị giá quyền sử dụng diện tích 184,5 m² đất ở và 458,7 m² đất vườn; tài sản chung của vợ chồng gồm quyền sử dụng diện tích 960,3 m² đất ao và tiền xây 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích 57 m²

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Hoàng Công C trình bày ý kiến và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Năm 1981 HTX Lương Xá cấp cho gia đình ông gồm có bố mẹ và các anh chị em của ông diện tích đất ở khoảng 650 m², sau đó gia đình đã cho ông sử dụng diện tích đất này. Thủ tục khi cấp đất là gia đình ông làm đơn, gửi HTX – được HTX đồng ý và xuống giao đất cho gia đình ông, khi giao đất không có biên bản giao nhận đất. Hiện nay gia đình ông không còn lưu giữ tài liệu gì về việc xin đất và giao đất này. Năm 1984 ông kết hôn với bà T, hai vợ chồng đã tự vượt lập được khoảng 960 m² đất ao. Ông đề nghị Tòa phúc thẩm chia lại tài sản của vợ

chồng theo hướng xác định 650 m² đất ở là tài sản riêng của ông, 960 m² đất ao là tài sản chung của vợ chồng.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà không nhất trí với kháng cáo của ông C. Bà xác định toàn bộ diện tích đất 1603,5m² tại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 40 là do vợ chồng tự vượt lập từ khoảng năm 1987, vì vậy là tài sản chung của vợ chồng. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập thì thấy toàn bộ diện tích đất 1603,5m² tại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 40 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T, nguồn gốc đất là đất tự vượt lập. Không có tài liệu chứng cứ thể hiện năm 1981 HTX Lương Xá cấp cho gia đình ông C diện tích đất ở 650 m². Xét thấy ông C và bà T kết hôn năm 1984, khi đó Luật HNGĐ năm 1959 đang có hiệu lực thi hành, đã xác định mọi tài sản có trước và trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy có căn cứ pháp lý xác định toàn bộ diện tích đất 1603,5m² tại thửa đất số 93 tờ bản đồ số 40 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T là tài sản chung của ông bà T - C.

Kháng cáo của ông Hoàng Công C không có căn cứ pháp lý, vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Công C, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Công C làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo và quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung:

Bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hòa - TP Nam Định - tỉnh Nam Định vào năm 1984, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông bà có 02 con chung đều đã trên 18 tuổi, các con đều đã trưởng thành và sống tự lập.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân, hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung của vợ chồng, cả hai ông bà T - C đều thống nhất xác định, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 có địa chỉ tại xóm 5 (nay là tổ dân phố số 5) Lương Xá - phường Lộc Hòa, -thành phố Nam Định, có diện tích 1603,5m² (gồm 184,5 m² đất ở; 458,7 m² đất vườn; 960,3 m² đất ao) năm 2012 đã được UBND thành phố Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng là ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T.

Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích 57 m² do vợ chồng bà xây dựng khoảng năm 1994. Ngoài ra trên đất còn 01 căn nhà diện tích khoảng 70 m² do con trai và con dâu ông bà đang xây dở khoảng tháng 4 năm 2021.

Xét nguồn gốc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ xóm 5 (nay là tổ dân phố số 5) Lương Xá - phường Lộc Hòa - thành phố Nam Định thấy rằng:

Ông Hoàng Công C cho rằng nguồn gốc thửa đất số 93, trong đó có 184,5 m² đất ở và 458,7 m² đất vườn là do Hợp tác xã nông nghiệp Lương Xá cấp cho ông vào năm 1981 nhưng hiện ông không còn lưu giữ giấy tờ. Diện tích 960,3 m² đất ao do vợ chồng ông tạo lập khoảng năm 1990.

Bà Phạm Thị T cho rằng nguồn gốc diện tích thửa đất số 93 là do vợ chồng bà tự vượt lập từ khoảng năm 1987.

Căn cứ vào các tài liệu đã xác minh thu thập thì thấy:

Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Nam Định cung cấp: Ông Hoàng Công C là người làm đơn đi đăng ký quyền sử dụng đất. Tại đơn xác minh nguồn gốc đất ngày 13-4-2006 của ông Hoàng Công C, Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa - thành phố Nam Định xác nhận: Nguồn gốc đất của hộ ông Hoàng Công C hiện đang sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 là Đất tự vượt lập năm 1987 vào đất lúa, không phải ruộng 115.

Tại Công văn số 366/UBND ngày 15-7-2021, Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa - thành phố Nam Định cung cấp: Hộ gia đình ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T đã được Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 426255 ngày 13-7-2012 đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40. Nguồn gốc sử dụng đất: Gốc đất do ông C tự vượt năm 1987 (có đơn xác minh nguồn gốc đất được xã trực tiếp xác minh).

Tại Báo cáo ngày 15-7-2021 của Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Lương Xá - phường Lộc Hòa - thành phố Nam Định cung cấp: Hiện nay Hợp tác xã không còn lưu giữ giấy tờ giao đất cho ông Hoàng Công C. Bản thân ông Hoàng Công C hiện nay cũng không cung cấp được tài liệu giấy tờ gì về việc được HTX nông nghiệp Lương Xá giao đất vào năm 1981.

Từ những chứng cứ tài liệu đã được Tòa án xác minh thu thập, trên cơ sở ý kiến trình bày tranh tụng của các đương sự, thì thấy không có căn cứ để xác định trong thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40, có 650 m² đất là của ông C được HTX nông nghiệp Lương Xá giao cho vào năm 1981 (trước khi ông kết hôn với bà Phạm Thị T).

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T kết hôn năm 1984 - lúc đó luật Hôn nhân gia đình năm 1959 đang có hiệu lực thi hành.

Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”.

Do vậy xác định, mọi tài sản có trước hay có trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung của vợ chồng; vì vậy có căn cứ pháp lý để khẳng định toàn bộ diện tích thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất mang tên người sử dụng đất là ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T cùng các tài sản gắn liền trên đất đều là tài sản chung của ông C và bà T.

Quá trình sử dụng diện tích đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40, ông bà T- C cùng đóng góp công sức vào việc tạo lập, gìn giữ bảo quản thửa đất. Vì vậy căn cứ vào các quy định của Luật HNGĐ, cấp sơ thẩm đã phân chia tài sản chung của ông bà T - C theo hướng mỗi người được $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản trên đất và $\frac{1}{2}$ trị giá quyền sử dụng đất; tính thành tiền cụ thể mỗi người được chia: 3.245.714.556 đồng: 2 = 1.622.857.278 đồng (một tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng) – là có căn cứ pháp lý.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và lời trình bày của các đương sự, để thuận tiện cho việc sinh hoạt và việc sử dụng đất của ông C và bà T, cấp sơ thẩm đã giao cho bà T có quyền sử dụng diện tích 960,3m² đất ao trị giá 1.680.525.000 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng); ông C có quyền sở hữu 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích 61,32m² và 46,2m² tường bao và được quyền sử dụng 184,5m² đất ở và 458,7m² đất vườn có tổng trị giá (106.347.276 đồng + 10.367.280 đồng + 645.750.000 đồng + 802.725.000 đồng) = 1.565.189.556 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu một trăm tám mươi chín ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng), là phù hợp với điều kiện hoàn C thực tế của các đương sự.

Bà Phạm Thị T phải trả chênh lệch cho ông Hoàng Công C số tiền là 1.680.525.000 đồng - 1.622.857.278 đồng = 57.667.722 đồng (làm tròn số là 57.668.000 đồng) (năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

Kháng cáo của ông Hoàng Công C đề nghị phân chia lại tài sản chung của vợ chồng theo hướng phải công nhận 650 m² đất ở là tài sản riêng của ông C được HTX nông nghiệp Lương Xá giao cho vào năm 1981, không có căn cứ pháp lý nên không được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Công C; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 14 Luật HNGĐ năm 1986; Điều 33, Điều 55, Điều 59, Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 357, Điều 468 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C.

2.2. Về chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị T.

Chia cho bà Phạm Thị T được quyền sử dụng 960,3 m² đất ao tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ: tổ dân phố số 5 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 426255 ngày 13-7-2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T.

Chia cho ông Hoàng Công C được quyền sở hữu 01 căn nhà bê tông 01 tầng diện tích 61,32m² và 46,2m² tường bao và được quyền sử dụng 184,5m² đất ở và 458,7m² đất vườn tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ: tổ dân phố số 5 Lương Xá, phường Lộc Hòa, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 426255 ngày 13-7-2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp cho ông Hoàng Công C và bà Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị T và ông Hoàng Công C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho ông Hoàng Công C 57.668.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho bà Phạm Thị T. Miễn án phí chia tài sản và án phí phúc thẩm dân sự cho ông Hoàng Công C.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Vũ Thị Mai Hương